TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/LĐ - ST
Ngày 19 tháng 9 năm 2025
V/v "Tranh chấp tiền lương"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Hồng Lam**

Hội thẩm nhân dân: Bà **Dư Thị Út**

Bà **Khưu Liên Dung**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hồng Thị Xuân** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà **Trần Mỹ Linh -** Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 04/2025/TLST-LĐ ngày 10 tháng 6 năm 2025 về "tranh chấp đòi tiền lương" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 01/2025/QĐXXST-LĐ ngày 01 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Trần Tố U, sinh năm 1982

Địa chỉ: Số E, Khóm G, Phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là Số E, Khóm E, phường B, tỉnh Cà Mau)

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1968

Địa chỉ: Số G, Võ Thị S, Khóm G, Phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là Số G, Võ Thị S, Khóm A, phường B, tỉnh Cà Mau) (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Giảng Thị Q, sinh ngày 13/5/1978

Địa chỉ: Số A, Khóm G, Phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là Số A, Khóm E, phường B, tỉnh Cà Mau) (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà Giảng Thị Q, là chủ nhà hàng M thuê bà Phạm Trần Tố U làm phụ bếp tại nhà hàng M từ tháng 9/2024, không có hợp đồng lao động, đến khoảng tháng 4/2025 thì nghỉ. Mỗi tháng tiền lương là 6.000.000 đồng, mỗi ngày 200.000 đồng. Bà Q trả lương cho bà U không cố định, có tháng chỉ trả được 2.000.000 đồng, có khi trả theo ngày, không có tháng nào trả đủ tiền lương. Đến nay bà Q còn nợ bà U tiền lương tổng cộng là 26.300.000 đồng.

Theo đơn khởi kiện bà Phạm Trần Tố U yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Giảng Thị Q trả cho bà U tổng số tiền lương còn nợ là 26.300.000 đồng. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 2.500.000 đồng, chỉ yêu cầu bà Q trả số tiền lương còn nợ là 23.800.000 đồng.

Bị đơn bà Giảng Thị Q trình bày theo biên bản lấy lời khai ngày 20/8/2025: Bà Q không đồng ý với yêu cầu của bà U. Với lý do: Vào năm 2024, không nhớ thời gian cụ thể, bà U có khó khăn về kinh tế, nợ người khác nhiều muốn lánh mặt, nên ngỏ ý muốn làm việc và ở tại nhà hàng M do bà Q làm chủ, không lấy tiền công, chủ yếu để lánh mặt người khác. Bà Q thấy hoàn cảnh bà U khó khăn nên để cho bà U làm phụ bếp ở nhà hàng M, bà Q cũng không thuê mướn bà U, ngày nào bà U muốn làm thì vào làm, hôm nào không muốn thì nghỉ vì không thuê mướn bà U, nên không theo dõi thời gian bà U làm tại nhà hàng M. Bà Q cũng có cho tiền cho bà U với những gì bà U đã phụ. Có nhiều lần bà U gọi điện yêu cầu bà Q trả tiền công, làm phiền rất nhiều lần, nên có lần bà U gọi yêu cầu bà Q trả tiền công, bà Q có nói cho qua chuyện là bà U tính nhiêu tính, khi nào có tiền bà Q trả.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật:

Tòa án thụ lý giải quyết vụ án này là đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tuân thủ trình tự tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Trần Tố U đối với bà Giảng Thị Q về việc buộc bà Q trả tiền lương số tiền 15.800.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Trần Tố U đối với bà Giảng Thị Q về việc buộc bà Q trả số tiền 8.000.000 đồng.

Buộc bà Giảng Thị Q có trách nhiệm trả cho bà Phạm Trần Tố U số tiền lương còn nợ 15.800.000 đồng.

Án phí: Bà Giảng Thị Q phải nộp án phí lao động sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Bà Phạm Trần Tố U được miễn nộp án phí lao động sơ thẩm đối với yêu cầu không được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận của đương sự; quan điểm của đại diện Viện kiểm sát; sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Bà Phạm Trần Tố U khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Giảng Thị Q trả tiền lương còn nợ. Đây là tranh chấp lao động cá nhân giữa người sử dụng lao động với người lao động về tranh chấp tranh chấp tiền lương. Mặt khác, bà Q cư trú tại phường B, tỉnh Cà Mau. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án vụ tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 6 – Cà Mau.

[2] Xét xử vắng mặt đương sự: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện: Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 2.500.000 đồng. Xét thấy, việc rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đã rút nêu trên của bà U. Bà U không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Trần Tố U.

[4.1] Bà Phạm Trần Tố U có làm phụ bếp tại nhà hàng M do bà Giảng Thị Q là chủ từ tháng 9/2024 đến khoảng tháng 4 năm 2025, không có hợp đồng lao động. Sự việc này được bà Q và bà U thừa nhận, nên đây là tình tiết không phải chứng minh.

[4.2] Bà U xác định mỗi tháng bà Q trả tiền lương là 6.000.000 đồng, mỗi ngày 200.000 đồng. Bà Q trả lương cho bà U không cố định, có tháng chỉ trả được

2.000.000 đồng, có khi trả theo ngày, không có tháng nào trả đủ tiền lương. Đến nay bà Q còn nợ bà U tiền lương tổng cộng là 23.800.000 đồng. Sự việc này bà Giảng Thị Q không thừa nhận. Bà Q xác định thấy hoàn cảnh bà U khó khăn nên để cho bà U làm phụ bếp ở nhà hàng M, bà Q không thuê mướn bà U nên không thỏa thuận tiền lương phải trả, trong quá trình bà U làm tại nhà hàng M, bà Q cũng có cho tiền cho bà U với những gì bà U đã phụ.

[4.3] Theo quy định tại khoản 1 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, bà U cung cấp chứng cứ là các file ghi âm những lần trao đổi về tiền lương giữa bà U và bà Q. Qua các nội dung ghi âm thể hiện bà U đòi bà Q số tiền lương còn nợ là 15.800.000 đồng, bà Q không phản bác việc này mà chỉ xác định chưa có tiền để trả. Do đó, bà U yêu cầu bà Q trả tiền lương số tiền 15.800.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[4.4] Đối với số tiền 8.000.000 đồng còn lại, theo các file ghi âm thì là tiền mua hàng hóa bà Q còn nợ bà U, không phải tiền lương. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cũng xác định trong số tiền yêu cầu bà Q phải trả là 23.800.000 đồng thì có 8.000.000 đồng là tiền bà Q mua hàng hóa của bà U còn nợ, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhập đối với số tiền này. Bà U có thể khởi kiện vụ án dân sự yêu cầu bà Q trả nợ tiền mua hàng hóa còn nợ ở vụ án dân sự khác khi xét thấy cần thiết.

[5] Án phí lao động sơ thẩm: Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12; Điều 14; Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bà Giảng Thị Q phải nộp án phí lao động sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận; bà U được miễn nộp án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận.

[6] Quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Cà Mau là có căn cứ, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 32; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 92; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

- Điều 90; Điều 94; Điều 95; Điều 187 Bộ luật Lao động;

- Điểm a khoản 1 Điều 12; Điều 14; Điều 15; khoản 1, 4, 9 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Trần Tố U đối với bà Giảng Thị Q về việc buộc bà Q trả số tiền lương là 15.800.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Trần Tố U đối với bà Giảng Thị Q về việc buộc bà Q trả tiền lương số tiền 8.000.000 đồng.

2. Buộc bà Giảng Thị Q có trách nhiệm trả cho bà Phạm Trần Tố U số tiền lương còn nợ là 15.800.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Trần Tố U đối với bà Giảng Thị Q về yêu cầu trả số tiền lương là 2.500.000 đồng.

4. Về án phí lao động sơ thẩm:

Bà Giảng Thị Q phải nộp án phí lao động có giá ngạch số tiền là 790.000 đồng.

Bà Phạm Trần Tố U không phải chịu án phí.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

6. Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 6 – Cà Mau;
- THADS khu vực 6 – Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu.

(đã ký)

Lê Hồng Lam